

Bản án số: 31/2020/HS-ST
Ngày 18-6-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K'My Na

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc- Cán bộ hưu trí

Ông Văn Thông- Bí thư đoàn thị trấn Di Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2020/TLST-HS ngày 11- 5- 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/HSST-QĐ ngày 27- 5-2020 đối với các bị cáo:

1) Họ và tên: K' Nh; Sinh ngày 05- 5-2003 tại Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Số 93 thôn 5A, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kơ ho; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam.

con ông K' Br và bà Ka B.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được điều tra tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo bà Ka B mẹ bị cáo. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5A, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Người bào chữa cho bị cáo ông Phạm Công Vân – Trợ giúp viên pháp lý -Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lâm Đồng.

2) Họ và tên: K' G; Sinh năm 1996 tại Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Số 77 Thôn 2B, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kơ ho; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông K' N và bà Ka Nh.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được điều tra tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn M; Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Anh K' B, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 5A, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

2) Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10-7- 2019 bị cáo K' G và bị cáo K' Nh cùng anh K' B cùng trú tại thôn 5A, xã Đ, huyện D thống nhất với nhau mang xe mô tô của K' G đi cầm cố để lấy tiền mua ma túy sử dụng chung. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11-7-2019 khi cả nhóm cùng ngồi chơi tại chòi cà phê thuộc thôn 5A, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì bị cáo K' G nơi bị cáo K' Nh và anh K' B kiếm tiền về chuộc lại xe cho bị cáo K' G (bị cáo G không nói kiếm tiền cụ thể bằng cách nào). Nghe vậy bị cáo K' Nh rủ bị cáo G và anh K' B đi cùng trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chuộc xe cho bị cáo G nhưng bị cáo G và anh B không đi, thấy vậy bị cáo K' Nh đi một mình đến khu vực vườn cà phê của ông Nguyễn Văn M tại thôn 5, xã H, huyện D thì phát hiện xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 49T7- 5514 có gắn chìa khóa trên xe, xe không có người trông coi và đang dựng tại đường đất sát vườn cà phê. Bị cáo K' Nh dắt xe mô tô trên rồi giấu vào một góc cà phê tại vườn cà phê gần đó, cách vị trí vừa trộm cắp khoảng 49m, sau đó bị cáo Nh về lại chòi cà phê và nói với bị cáo G và anh K' B đã trộm cắp được xe mô tô. Sau đó bị cáo K' G đi về trước, còn bị cáo Nh và anh Br quay lại chỗ bị cáo K' Nh giấu xe mô tô vừa trộm được, bị cáo đứng ở ngoài canh để anh K' B đi vào dắt xe mô tô ra ngoài, sau đó cả hai điều khiển xe mô tô mang về giấu tại vườn cà phê nhà bị cáo K' Nh ở thôn 5a, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Sáng ngày 12-7-2019, bị cáo K' Nh, bị cáo K' G và anh K' B tập trung tại vườn cà phê nhà bị cáo Nh ở thôn 5A, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Lúc này, bị cáo K' G nói với bị cáo K' Nh tìm biển số xe khác thay vào xe mô tô vừa trộm cắp được để đi bán không bị phát hiện. Nghe vậy bị cáo K' Nh chạy về nhà lấy biển số xe 49G1-192.83. Sau khi thay biển số xe xong thì bị cáo Nh và bị cáo K' G mang chiếc xe vừa trộm được và đã thay biển số bán cho bà Nguyễn Thị Thu H ở thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng với giá 900.000đ, bà H trừ đi 350.000đ tiền bị cáo K' G chuộc lại xe đã cầm cố trước đó và đưa cho bị cáo K' Nh 550.000đ, bà H không biết xe trên là do trộm cắp mà có. Sau khi nhận được

tiền bị cáo K' Nh chia cho bị cáo G 100.000đ, số tiền còn lại bị cáo K' Nh tiêu xài cá nhân và còn lại 126.000đ.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 211/KL-HĐĐG ngày 24-7-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Di Linh kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 49T7-5514 trị giá 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, số máy HC09E-0281512, số khung C09033Y281424; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0086103 hiện đã trả lại cho chủ sở hữu.

-01 biển số xe 49G1-192.83 và số tiền 126.000đ giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện D quản lý.

Về trách nhiệm Dân sự: Ông Nguyễn Văn M đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, bà Nguyễn Thị Thu H đã được bị cáo K' Nh trả lại số tiền mua xe 550.000đ, ông Minh và bà Hà không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo K' Nh, bị cáo K' G đã thành khẩn khai báo khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng đối với bị cáo K' Nh tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng thêm Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo K' Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo K' G về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không thắc mắc khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng.

Đối với anh K' B có hành vi cùng bị cáo K' Nh mang xe mô tô do bị cáo K' Nh trộm cắp đi cất giấu tại vườn cà phê của nhà bị cáo K' Nh, tuy nhiên anh K' B không tham gia trộm cắp tài sản cùng bị cáo K' Nh, không chứa chấp hay cùng bị cáo K' Nh bán tài sản và cũng không được bị cáo K' Nh chia tiền. Hành vi của K' B là không tổ giác tội phạm, tuy nhiên bị cáo K' Nh phạm tội ít nghiêm trọng thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên hành vi của K' B không đủ yếu tố cấu thành tội “Che giấu tội phạm”

quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bà Nguyễn Thị Thu H khi mua xe mô tô từ bị cáo K' Nh và bị cáo K' G thì không biết xe trên do trộm cắp mà có, nên hành vi của bà H không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo K' Nh từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo K' G từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Giao cho Công an huyện D quản lý và xử lý 01 biển số xe 49G1-192.83. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 126.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông M và người có quyền lợi, bà H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về án phí các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K' B và bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo K' Nh và bị cáo K' G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai nhận: Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11-7-2019 tại thôn 5, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng bị cáo K' Nh đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Wave BKS 49T7 - 5514 của ông Nguyễn Văn M trị giá 3.000.000đ. Sau khi bán xe cho bà Nguyễn Thị Thu H ở thôn 10, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng với giá 9.00.000đ, bà H trừ đi 350.000đ

tiền bị cáo K' G chuộc lại xe đã cầm cố trước đó và đưa cho bị cáo K' Nh 550.000đ, bà H không biết xe trên là do trộm cắp mà có. Sau khi nhận được tiền bị cáo K' Nh chia cho bị cáo K' G 100.000đ, số tiền còn lại bị cáo K' Nh tiêu xài cá nhân.

Đối với bị cáo K' G biết rõ xe mô tô do bị cáo K' Nh trộm cắp mà có, ngày 12-7-2020 có hành vi cùng bị cáo K' Nh thay biển số xe mô tô đã trộm cắp được từ BKS 49T7-5514 sang BKS 49G1- 192.83 rồi cùng nhau mang xe đi bán cho bà Nguyễn Thị Thu H, sau khi bán xe được bị cáo K' Nh chia tiền 100.000đ để tiêu xài cá nhân hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[3] Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai của bị hại và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ xét xử bị cáo K' Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo K' G về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng như tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo K' Nh biết rõ quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng vì lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên đã cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông M, hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang, không yên tâm lao động sản xuất nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục răn đe.

Đối với bị cáo K' G là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý phạm tội, hành vi của bị cáo tuy không hứa hẹn trước mà chứa chấp cùng với bị cáo Nh thay biển số xe và cả hai cùng mang xe mô tô bị cáo K' Nh trộm cắp được đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân là phạm vào tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang và bất bình lên án.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét cho bị cáo ở chỗ: Trước khi phạm tội các bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo K' Nh là người chưa thành niên, con em dân tộc ít người, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Sau khi bị cáo phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. nên cần áp dụng điểm i,

s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 100 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nhi.

Xét bị cáo K' G phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định nên miễn khấu thu nhập cho bị cáo.

Tại phiên tòa ông Phạm Công V là người bào chữa cho bị cáo Nh về tình tiết giảm nhẹ ngoài áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần phải áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự cho bị cáo, bởi bị cáo K' Nh có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nhân thân tốt. Xét đề nghị trên của người bào chữa, đó không phải là tình tiết giảm nhẹ nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại ông Nguyễn Văn M có mặt không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra bị cáo K' Nh đã trả lại số tiền 550.000đ và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, số máy HC09E-0281512, số khung C09033Y281424; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0086103 hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

Đối với 01 biển số xe 49G1-192.83 giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Di Linh quản lý xét thấy biển số xe này không có chủ sở hữu nên cần giao cho Công an huyện D quản lý và xử lý là phù hợp.

Đối với số tiền 126.000đ giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện D quản lý, đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định pháp luật.

Đối với anh K' B có hành vi cùng bị cáo K' Nh mang xe mô tô do bị cáo Nh trộm cắp đi cất giấu tại vườn cà phê của nhà bị cáo Nhi, tuy nhiên anh K' B không tham gia trộm cắp xe cùng bị cáo Nh, không chứa chấp hay cùng bị cáo Nh bán tài sản và cũng không được bị cáo Nh chia tiền. Hành vi của K' B là không tố giác tội phạm, tuy nhiên bị cáo Nh phạm tội ít nghiêm trọng theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự Năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên hành vi của K' B không đủ yếu tố cấu thành tội "Che giấu tội phạm" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 Bộ luật hình sự Năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 không xử lý hình sự là đúng quy định pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu H có hành vi mua xe mô tô từ bị cáo Nh và bị cáo G thì không biết xe trên do trộm cắp mà có, nên hành vi của bà H không cấu

thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo K' Nh phạm tội “ Trộm cắp tài sản” và bị cáo K' G phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” .

+Đối với bị cáo K' Nh:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 91; Điều 100; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo K' Nh 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo K' Nh cho UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, hoặc UBND cấp xã, thị trấn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+Đối với bị cáo K' G:

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo K' G 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo K' G cho UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, hoặc UBND cấp xã, thị trấn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Điều 75 Luật thi hành án Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự giao cho Công an huyện D quản lý và xử lý 01 biển số xe 49G1-192.83 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11-5-2020 giữa Công an huyện D với chi cục thi hành án dân sự huyện D.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 126.000đ mà cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D giao nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện D quản lý theo biên lai thu số 0002173 ngày 11-5-2020.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo K' Nh và bị cáo K' G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo(để thi hành);
- Sở TP tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự; Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

K' My Na

